

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

*(Kèm theo Quyết định số 36 /2022/QĐ-UBND ngày 28 /11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh

1. Bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch trong lĩnh vực ATTP tại địa phương trên cơ sở các quy định của Luật ATTP và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Phân cấp giữa các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn trong quản lý nhà nước về ATTP, bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

3. Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn theo phân công, phân cấp và theo các quy định của pháp luật. Các cơ quan được phân công, phân cấp chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, phân cấp.

4. Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác, gắn với cơ chế kiểm tra, thanh tra khi thực hiện phân quyền, phân cấp.

5. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành và UBND các cấp trong quản lý nhà nước về ATTP.

6. Bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

7. Bảo đảm tính khoa học, đầy đủ và khả thi.

8. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý.

9. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đầu giá nông sản.

10. Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về ATTP để thực hiện các thủ tục hành chính.

Điều 4. Phối hợp trong hoạt động bảo đảm ATTP

1. Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về ATTP theo phân công, phân cấp tại Quyết định này để bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về ATTP có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Y tế chủ trì xây dựng chương trình thông tin giáo dục truyền thông về ATTP theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế để thực hiện chương trình thông tin giáo dục truyền thông về ATTP trên địa bàn tỉnh.

3. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các sản phẩm, cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; các sở, ban ngành khác có trách nhiệm phối hợp.

4. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Các sở, ban ngành, UBND các cấp có trách nhiệm phối hợp cơ sở cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; phối hợp với Sở Y tế điều tra nguyên nhân và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

5. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của các ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.

Điều 5. Tránh chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra ATTP

1. UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn không thực hiện kiểm tra đối với các cơ sở thực phẩm trên địa bàn nếu cơ sở thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban ngành cấp tỉnh, trừ trường hợp:

a) Trực tiếp phát hiện có dấu hiệu vi phạm về ATTP; khi có tố giác, tin báo về vi phạm về ATTP hoặc giải quyết khiếu nại tố cáo có liên quan;

b) Có sự thống nhất hoặc đề nghị của các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

2. Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra về ATTP cấp tỉnh được quyền thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở thực phẩm do cấp huyện, cấp xã quản lý.

3. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của sở, ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng hoặc khi có chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.

4. Đối với công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành trong các đợt cao điểm ATTP trong năm theo yêu cầu của Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về ATTP, các Bộ ngành Trung ương, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh, các sở, ban, ngành cùng phối hợp thống nhất danh sách thực hiện thanh tra, kiểm tra để đảm bảo không chồng chéo, gây phiền hà cho cơ sở thực phẩm.

Chương II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP VÀ PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ATTP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 6. Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của Sở Y tế

1. Quản lý cơ sở thực phẩm:

a) Các bếp ăn tập thể công ty, nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm (Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

d) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của ngành Công Thương và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trừ các cơ sở do Bộ Y tế quản lý).

đ) Các cơ sở sản xuất kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm (trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và

ngành Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó).

2. Phân công trách nhiệm:

Sở Y tế chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn, bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý ATTP trên cơ sở giám sát và tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố để báo cáo cho UBND tỉnh, Bộ Y tế, Cục ATTP theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và năm.

b) Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện công tác thông tin truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về quản lý ATTP thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý và phối hợp thanh tra, kiểm tra về ATTP theo đề xuất của các cơ quan có liên quan. Kiểm tra, giám sát ATTP phục vụ các hội nghị, đại hội, các sự kiện lớn do tỉnh tổ chức có phục vụ ăn uống.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác khi có chỉ đạo của cấp trên hoặc theo yêu cầu quản lý.

e) Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm đối với các sản phẩm /nhóm sản phẩm được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

g) Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, sản phẩm sản xuất theo quy định.

h) Tổ chức thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở thực phẩm quản lý tại khoản 1 Điều 6 quy định này thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (Ngoại trừ các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ).

i) Tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm theo phân cấp quản lý; hỗ trợ tuyến dưới điều tra ngộ độc thực phẩm khi cần thiết.

k) Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là đơn vị tiếp nhận, thực hiện kiểm nghiệm các mẫu bệnh phẩm, thực phẩm để tìm nguyên nhân gây ngộ độc thực

phẩm; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác về ATTP theo chức năng, nhiệm vụ được giao; cử viên chức tham gia công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATTP theo chỉ đạo của Sở Y tế hoặc đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

l) Chỉ đạo Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm kiểm nghiệm các loại nguyên phụ liệu, bao bì, thành phẩm của thực phẩm (theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này) qua các khâu thu mua, sản xuất, pha chế, bảo quản, lưu hành, sử dụng do các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm gửi tới hoặc lấy mẫu trên địa bàn tỉnh để kiểm tra và giám sát chất lượng. Báo cáo định kỳ về tình hình chất lượng thực phẩm trên địa bàn tỉnh; phối hợp tham mưu trong việc giải quyết các trường hợp khiếu nại và tranh chấp về chất lượng thực phẩm thuộc lĩnh vực chuyên môn kiểm nghiệm.

m) Thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, gồm:

a) Cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

b) Cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

c) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về ATTP (BRC), Chứng nhận hệ thống ATTP (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh. Cơ quan đầu mối tham mưu, tổng hợp là Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản.

b) Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn.

d) Phối hợp đơn vị y tế điều tra nguyên nhân; cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc, xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn, cơ sở dữ liệu về công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

đ) Chỉ đạo các Chi cục trực thuộc Sở có liên quan:

Thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng ATTP theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, kiểm tra và xử lý vi phạm cam kết đối với các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp nhưng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên đến dưới 15 mét.

Tổ chức thẩm định, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

e) Hướng dẫn các cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở, UBND huyện, thị xã, thành phố việc tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP do Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

g) Phúc kiểm việc thực hiện nhiệm vụ ATTP của các Chi cục chuyên ngành thuộc Sở và các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý ATTP thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

h) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, đơn vị chức năng liên quan tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về quản lý ATTP thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

i) Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về ATTP theo quy định.

k) Giao Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản:

Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Kiểm tra chất lượng, ATTP muối nhập khẩu trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

l) Thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Quản lý ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương, gồm:

a) Các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Các cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu

chuẩn toàn cầu về ATTP (BRC), Chứng nhận hệ thống ATTP (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các đối tượng thuộc ngành Công Thương quản lý.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị chức năng liên quan tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về quản lý ATTP thuộc lĩnh vực ngành Công Thương.

d) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP thuộc lĩnh vực ngành Công Thương. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP đối với cấp huyện theo nhiệm vụ được phân công.

đ) Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, phối hợp đơn vị y tế điều tra nguyên nhân; cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc, xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

e) Tổ chức thẩm định, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp và được quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT (trừ các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

g) Định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo tình hình về ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương theo quy định.

h) Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

i) Tiếp nhận bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) đối với các cơ sở thuộc ngành Công Thương quản lý trên địa bàn tỉnh đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về ATTP (BRC), Chứng nhận hệ thống ATTP (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

Điều 9. Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của UBND huyện, thị xã, thành phố

1. Quản lý cơ sở thực phẩm:

a) Lĩnh vực ngành Y tế:

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và các bếp ăn tập thể trong trường học, căn tin trường học, bếp ăn tập thể bệnh viện trên địa bàn.

Quản lý ATTP tại Lễ, hội, hội chợ trên địa bàn.

b) Lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nêu tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (*trừ các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp*).

Tàu cá có chiều dài từ 6 mét đến dưới 12 mét.

c) Lĩnh vực ngành Công Thương:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc ngành Công Thương quản lý có thực hiện đăng ký hộ kinh doanh.

Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Tổ chức, điều hành Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP cùng cấp.

b) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tổ chức thẩm định cơ sở, cấp hoặc ủy quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP thuộc lĩnh vực ngành Y tế và ngành Công Thương phân cấp cho tuyến huyện quản lý, ngoại trừ các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

c) Báo cáo về công tác quản lý ATTP trên địa bàn theo yêu cầu của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất.

d) Tổ chức triển khai công tác ATTP tại địa phương theo hướng dẫn và các quy định của Chính phủ, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan về ATTP.

đ) Tổ chức kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Phối hợp với Sở, ban ngành thanh tra, kiểm tra, thẩm định việc tuân thủ các quy định về ATTP đối với các cơ sở thực phẩm trên địa bàn cấp huyện.

e) Chỉ đạo trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm theo phân cấp quản lý hoặc hỗ trợ tuyến dưới điều tra ngộ độc thực phẩm khi cần thiết.

g) Tổ chức, chỉ đạo trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP và kiểm tra thực hiện sau ký cam kết đối các cơ sở kinh

doanh dịch vụ ăn uống quản lý không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết và xử lý các cơ sở vi phạm cam kết đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy định này.

Tổ chức hướng dẫn, tiếp nhận, xác nhận Bản cam kết đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Quy định này (bao gồm cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong chợ, trừ chợ đầu mối và chợ đấu giá nông sản) trên địa bàn thuộc lĩnh vực ngành Công Thương quản lý.

h) Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP cho cán bộ cấp xã và các cơ sở trên địa bàn.

Điều 10. Phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP thuộc trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trước UBND huyện, thị xã, thành phố về ATTP trên phạm vi địa bàn:

1. Tổ chức, điều hành Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh ATTP cùng cấp.
2. Thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan và UBND cấp trên về ATTP.
3. Quản lý các hoạt động kinh doanh thức ăn đường phố; các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện tỉnh, huyện quản lý và các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống khác không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hướng dẫn, tiếp nhận, xác nhận bản cam kết bảo đảm ATTP đối với các cơ sở quản lý.
4. Tổ chức hướng dẫn, tiếp nhận, xác nhận bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy định này.
5. Tổ chức hướng dẫn, tiếp nhận, xác nhận Bản cam kết đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương không thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc thẩm quyền quản lý, gồm:
 - a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.
 - b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ ngành Công Thương không thuộc diện tỉnh huyện quản lý và các cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

6. Tổng hợp, báo cáo tình hình ATTP trên địa bàn cho UBND cấp huyện theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất.

7. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP cho người dân trên địa bàn. Thực hiện công tác kiểm tra ATTP đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý của tuyến xã.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

1. Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh

a) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo và phối hợp hoạt động giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc giải quyết những vấn đề liên quan về vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương có liên quan.

b) Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh về những chủ trương, cơ chế, chính sách, giải pháp trong quản lý nhà nước về vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh.

c) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác ATTP của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP của các huyện, thị xã, thành phố.

d) Trưởng Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh; các Phó Trưởng ban gồm: Phó Chủ tịch UBND tỉnh (thường trực), Lãnh đạo Sở Y tế (thường trực), Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lãnh đạo Sở Công Thương. Các Ủy viên gồm đại diện Lãnh đạo các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công an tỉnh; Cục Quản lý thị trường; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Báo Bình Thuận; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh.

đ) Sở Y tế là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh.

2. Cục Quản lý thị trường tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật và công tác kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực ATTP;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan khi xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Công Thương quản lý, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất về kết quả triển khai thực hiện công tác quản lý ATTP theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

d) Chỉ đạo các Đội Quản lý thị trường tăng cường áp dụng các biện pháp nghiệp vụ, thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về kinh doanh hàng hóa

nhập lậu; về sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ và các hành vi vi phạm khác về ATTP theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Công an tỉnh

a) Chủ động phát hiện, điều tra, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về ATTP.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về ATTP; kiểm soát, ngăn chặn việc vận chuyển, tiêu thụ thực phẩm không an toàn, không rõ nguồn gốc trên địa bàn; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất về kết quả triển khai thực hiện công tác quản lý ATTP theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng các văn bản, quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên quan đến lĩnh vực ATTP; cung cấp các văn bản, tiêu chuẩn Quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài liên quan đến lĩnh vực ATTP khi có yêu cầu.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật và thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP.

c) Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ATTP.

d) Quản lý nhà nước, chủ trì thanh, kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ về thực phẩm thuộc phạm vi chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật.

đ) Quản lý, phối hợp quản lý và nâng cao năng lực tổ chức kiểm nghiệm thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về ATTP.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi đôn đốc các cơ quan thông tin đại chúng dành thời lượng phù hợp để thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, quy định pháp luật và các hoạt động bảo đảm ATTP cho nhân dân.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe đặc biệt xử lý vi phạm quảng cáo trên môi trường mạng, mạng xã hội, youtube...

d) Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tăng cường hướng dẫn chỉ đạo các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử tỉnh đẩy mạnh và đổi mới

các hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức về các quy định của pháp luật và hoạt động đảm bảo ATTP cho nhân dân.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chỉ đạo các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn, resort tuân thủ các quy định về ATTP và tiến hành làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định (nếu thuộc diện cấp giấy).

b) Tham gia phối hợp liên ngành trong vấn đề thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về ATTP tại các cơ sở du lịch thuộc Sở quản lý.

c) Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo kiểm soát ATTP tại các khu lễ hội, hoạt động văn hoá ẩm thực nhằm thực hiện tốt các quy định về ATTP. Tuyên truyền, phổ biến các thông điệp ATTP tại các lễ hội, các cơ sở lưu trú du lịch và các khu, điểm du lịch có dịch vụ ăn uống.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục có dịch vụ ăn uống bảo đảm đủ điều kiện ATTP. Phối hợp với ngành Y tế để phổ biến và ký cam kết bảo đảm ATTP đối với các bếp ăn trong các trường học có tổ chức bán trú.

b) Phối hợp Sở Y tế và các địa phương kiểm soát chặt chẽ việc cung ứng các dịch vụ ăn uống trong các trường học.

c) Xây dựng các mô hình bếp ăn bảo đảm ATTP tại các trường học; tổ chức tuyên truyền, giáo dục về ATTP trong các trường học, vận động giáo viên và học sinh tham gia tích cực công tác bảo đảm ATTP.

d) Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng có liên quan để triển khai tốt công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện ATTP trong các trường tiểu học, mầm non, lớp mẫu giáo, các nhóm trẻ gia đình nhằm phòng tránh ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm.

8. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của các sở, ban, ngành, địa phương tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu UBND tỉnh giao dự toán để thực hiện công tác ATTP phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phân cấp quản lý và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành có liên quan huy động các nguồn tài trợ, xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực ATTP của tỉnh.

10. Sở Nội vụ

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh giao biên chế và số lượng người làm việc cho Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố để thực hiện nhiệm vụ về ATTP theo đúng quy định; hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách cho công chức, viên chức làm công tác ATTP theo quy định hiện hành.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chức năng quản lý về môi trường, tài nguyên nước theo nhiệm vụ được phân công. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về ATTP trong việc giám sát tiêu hủy sản phẩm thực phẩm.

12. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

Đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các quy định về ATTP. Phối hợp thực hiện các hoạt động bảo đảm ATTP tại các khu công nghiệp.

13. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bình Thuận

a) Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan truyền thông chỉ đạo các Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã đưa thông tin về ATTP thành nội dung thường xuyên của chương trình phát sóng. Dành thời lượng phát sóng các chương trình về bảo đảm ATTP, các chuyên mục cố định, chuyên đề về bảo đảm ATTP.

b) Báo Bình Thuận tăng cường đưa tin bài ảnh, phóng sự về thực trạng tình hình ATTP trên địa bàn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, các quy định pháp luật về ATTP.

14. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội, đoàn thể tỉnh

a) Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp triển khai các chương trình phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm ATTP trong các đợt cao điểm về ATTP trong năm.

b) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phát động phong trào đến các cấp hội Phụ nữ trong toàn tỉnh tham gia vào công tác bảo đảm ATTP. Phối hợp các Sở, ban ngành chức năng tổ chức các chương trình tập huấn, thông tin tuyên truyền ATTP cho phụ nữ; đặc biệt là những người nội trợ, chị em kinh doanh, sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ lẻ.

c) Hội Nông dân tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng tổ chức hoạt động tập huấn, hướng dẫn cho các hội viên về sản xuất thực phẩm an toàn, phương pháp chế biến, bảo quản khoa học, sử dụng đúng cách các hóa chất bảo vệ thực vật và an toàn thức ăn chăn nuôi, phân bón. Phát động phong trào sáng kiến, việc làm tốt về bảo đảm ATTP, tích cực đấu tranh với các hành vi vi phạm ATTP trong cộng đồng, làng xã.

d) Tỉnh đoàn Bình Thuận phát động phong trào đến đoàn viên thanh niên trong toàn tỉnh tham gia vào công tác bảo đảm ATTP. Phối hợp các sở, ban, ngành chức năng tổ chức các chương trình tập huấn, thông tin tuyên truyền ATTP cho đến đoàn viên thanh niên.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu và các quy định trong văn bản này được thay thế hoặc sửa đổi bổ sung thì áp dụng theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi bổ sung đó.

2. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công Thương tổ chức phổ biến, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung Quy định này.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương để triển khai thực hiện các nội dung tại Quy định này.

4. Hàng năm các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP thuộc thẩm quyền quản lý gửi về Sở Y tế để tổng hợp theo quy định.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý./.

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM /NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 36 /2022/QĐ-UBND ngày 28 /11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên sản phẩm/ Nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
3	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
4	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ngành Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
5	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của ngành Công Thương và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM / NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 36 /2022/QĐ-UBND ngày 28 /11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên sản phẩm / Nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (<i>xay xát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...</i>)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (<i>nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...</i>)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (<i>nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...</i>)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (<i>khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...</i>)	Trừ thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (<i>giò, chả, nem, lap sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...</i>)	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công Thương quản lý.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (<i>dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...</i>)	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (<i>da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,...</i> của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (<i>lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến</i>)	Trừ thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản

		do ngành Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phòng tôm, cá, mực,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do ngành Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do ngành Y tế quản lý.
IV	Rau, củ , quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (<i>cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách mùi, xay, ...</i>)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (<i>lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép, ...</i>)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do ngành Công Thương quản lý.
V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (<i>bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược, ...</i>)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do ngành Công Thương quản lý.
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do ngành Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do ngành Y tế quản lý.
VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ	

2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	
X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (<i>bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...</i>)	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do ngành Công Thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Tương, nước chấm	
4	<i>Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền</i>	
XI	Đường	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn	
2	Đường khác (<i>kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen</i>)	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
XII	Chè	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè do ngành Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát do ngành Công Thương quản lý.
XIII	Cà phê	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê do ngành Công Thương quản lý.
XIV	Ca cao	

1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; Vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; Bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, Bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; Bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do ngành Công Thương quản lý.
XV	Hạt tiêu	
1	Hạt tiêu (<i>chi Piper</i>) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi <i>Capsicum</i> hoặc chi <i>Pimenta</i> , tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XVI	Điều	
1	Hạt điều	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do ngành Công Thương quản lý.
XVII	Nông sản thực phẩm khác	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (<i>măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây,...</i>)	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm (<i>châu chấu, dế, nhộng tằm, ...</i>)	
XVIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

PHỤ LỤC III

DANH MỤC SẢN PHẨM / NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 36 /2022/QĐ-UBND ngày 28 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên sản phẩm / Nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	Rượu, cồn và đồ uống có cồn	Không bao gồm sản phẩm rượu bổ do ngành Y tế quản lý
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do ngành Y tế quản lý
1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do ngành Y tế quản lý
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	
1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương	

	pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	
4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	
4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	
7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
1	Dầu hạt vừng (mè), dầu cám gạo, dầu đậu tương, dầu lạc, dầu ô liu, dầu cọ, dầu hạt hướng dương, dầu cây rum, dầu hạt bông, dầu dừa, dầu hạt cò hoặc dầu cò ba-ba-su, dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt, dầu hạt lanh, dầu thầu dầu và các loại dầu khác	
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	
3	Bột khoai tây	
4	Malt: rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột: mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	
8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghetti, macaroni, mì sợi, mì ăn liền,	

	mì dẹt, gnochì, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...	
9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do ngành Y tế quản lý
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	
2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	
8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhào từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.	

PHỤ LỤC IV

PHÂN CÔNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CÁC CƠ QUAN THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số 36 /2022/QĐ-UBND ngày 28 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật

TT	Công đoạn	Phân công
1	Trồng trọt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
2	Sơ chế, chế biến (kể cả hoạt động trồng trọt gắn với cơ sở sơ chế, chế biến)	Chi cục Quản lý Chất lượng nông, lâm và thủy sản
3	Lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản

2. Chuỗi thực phẩm nông sản có nguồn gốc động vật (trừ sản phẩm thủy sản)

TT	Công đoạn	Phân công
1	Chăn nuôi	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
2	Giết mổ, sơ chế	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
3	Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối...)	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.
4	Lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập): - Cơ sở kinh doanh - Tổ chức chương trình giám sát, cảnh báo nguy cơ và truy xuất nguồn gốc	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y. - Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.

3. Chuỗi thực phẩm thủy sản

TT	Công đoạn	Phân công
1	Nuôi trồng thủy sản (bao gồm lưỡng cư)	Chi cục Thủy sản
2	- Khai thác/ đánh bắt (tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên) - Căng cá.	Chi cục Thủy sản
3	Thu mua, sơ chế, chế biến (bao gồm cả tàu cá thu mua, chế biến; hoạt động nuôi trồng gắn cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến), kho lạnh độc lập	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.
4	Lưu thông tiêu thụ (Chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản

4. Muối ăn

Công đoạn	Phân công
- Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước, xuất nhập khẩu. - Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.

5. Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản), cơ sở sản xuất nước đá, sản phẩm khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương

Công đoạn	Phân công cấp tỉnh
Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính
phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh
doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện
đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý
an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không
thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm
vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Công Thương Quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách
nhiệm của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng
nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an
toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4405/TTr-SYT ngày 18 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh; thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm;
- Các Bộ: Y tế, NNPTNT, Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXNV, Việt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Văn Đăng